

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 44-HĐBT ngày 17-4-1986 về việc điều chỉnh địa giới hành chính thị xã Vinh Long, huyện Long Hồ và huyện Mang Thít thuộc tỉnh Cửu Long.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18-12-1980;

Căn cứ điều 16 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Quyết định số 64B-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12-9-1981;

Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cửu Long và Ban Tổ chức của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay điều chỉnh địa giới hành chính thị xã Vinh Long, huyện Long Hồ và huyện Mang Thít thuộc tỉnh Cửu Long như sau:

A. Thị xã Vinh Long, huyện Long Hồ:

a) Tách các xã An Bình, Bình Hòa Phước, Đồng Phú, Thanh Đức, Tân Hạnh (trừ ấp An Hiệp và 1/2 ấp Phước Bình), và xã Long Phước (gồm ấp Phước Hanh, Phước Ngươn A, 1/2 ấp Phước Lợi A và 4/5 ấp Phước Lợi B) thuộc huyện Long Hồ để sáp nhập vào thị xã Vinh Long.

b) Thành lập xã Phước Hậu thuộc thị xã Vinh Long trên cơ sở các ấp Phước Hanh, Phước Ngươn A, 1/2 ấp Phước Lợi A và 4/5 ấp Phước Lợi B của xã Long Phước thuộc huyện Long Hồ mới sáp nhập vào thị xã Vinh Long.

— Sau khi mở rộng địa giới hành chính, thị xã Vinh Long có 7 phường là phường 1, phường 2, phường 3, phường 4, phường 5, phường 8, phường 9 và 8 xã An Bình, Bình Hòa Phước, Đồng Phú, Phước Hậu, Tân Ngãi, Tân Hòa Bắc, Thanh Đức, Tân Hạnh với diện tích tự nhiên 13.876,40 hécta cùng 155.801 nhân khẩu.

Địa giới thị xã Vinh Long ở phía đông giáp huyện Long Hồ và tỉnh Bến Tre; phía

tây giáp tỉnh Đồng Tháp; phía nam giáp huyện Long Hồ; phía bắc giáp tỉnh Tiền Giang.

— Xã Phước Hậu thuộc thị xã Vinh Long có tổng diện tích tự nhiên 911,99 hécta với 6.774 nhân khẩu.

Địa giới xã Phước Hậu ở phía đông và phía nam giáp xã Long Phước thuộc huyện Long Hồ và phường 4; phía tây giáp xã Tân Hạnh; phía bắc giáp phường 3.

— Xã Tân Hạnh thuộc thị xã Vinh Long có 1.417,20 hécta diện tích tự nhiên với 11.521 nhân khẩu.

Địa giới xã Tân Hạnh ở phía đông giáp xã Phước Hậu và phường 8, phía tây giáp xã Tân Hòa Bắc và tỉnh Đồng Tháp; phía nam giáp huyện Long Hồ; phía bắc giáp xã Tân Ngãi và phường 9.

— Xã Long Phước thuộc huyện Long Hồ có 1.360,67 hécta diện tích tự nhiên với 11.932 nhân khẩu.

Địa giới xã Long Phước ở phía đông giáp xã Long Mỹ; phía tây và phía bắc giáp thị xã Vinh Long; phía nam giáp xã Lộc Hòa và xã An Đức.

g) Sáp nhập phần còn lại của xã Tân Hạnh là ấp An Hiệp và 1/2 ấp Phước Bình vào xã Phú Quới cùng huyện Long Hồ.

Xã Phú Quới có tổng diện tích tự nhiên 2.953 hécta với 16.179 nhân khẩu.

Địa giới xã Phú Quới ở phía đông giáp xã Lộc Hòa; phía tây giáp tỉnh Đồng Tháp; phía bắc giáp tỉnh Đồng Tháp và thị xã Vinh Long; phía nam giáp huyện Tam Bình.

B. Huyện Long Hồ, huyện Mang Thít:

Sáp nhập huyện Long Hồ và huyện Mang Thít thành một huyện lấy tên là huyện Long Hồ.

— Huyện Long Hồ có 12 xã An Đức, An Phước, Chánh Hội, Bình Phước, Nhơn Phú, Lộc Hòa, Long Phước, Long Mỹ, Hòa Tịnh, Mỹ An, Tân Long Hội và Phú Quới với diện tích tự nhiên 26.117 hécta và 142.537 nhân khẩu.

Địa giới huyện Long Hồ ở phía đông giáp sông Tiền Giang và huyện Vũng

Liêm; phía tây giáp tỉnh Đồng Tháp; phía nam giáp huyện Tam Bình và huyện Vũng Liêm; phía bắc giáp sông Tiền Giang và thị xã Vĩnh Long.

Điều 2. — Ủy ban Nhân dân tỉnh Cửu Long và Ban Tổ chức của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 47-HĐBT ngày 24-4-1986 về giá bán lẻ ổn định một số mặt hàng tiêu dùng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Thi hành Nghị quyết số 31-HĐBT ngày 28-3-1986 của Hội đồng Bộ trưởng về những chủ trương, biện pháp cấp bách để triển khai thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 24-2-1986 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Điều lệ quản lý giá bán hành kèm theo Nghị định số 33-HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng Vật giá của Chính phủ,

BẢNG GIÁ BÁN LẺ ổn định chuẩn của Nhà nước về một số mặt hàng tiêu dùng

(ban hành kèm theo Quyết định số 47-HĐBT ngày 24-4-1986 của Hội đồng Bộ trưởng).

| Mặt hàng | Quy cách phẩm chất | Đơn vị tính | Mức giá bán lẻ mới |
|----------------------------|---|-------------|--------------------|
| 1. Vải phin trắng Nam Định | Ký hiệu 6060, sợi Nm 34 × 54, mật độ 28 × 23, khổ 0,80 mét | đ/mét | 14,00 |
| 2. Vải Calico Hồng Gấm | Sợi Na 20 × 30, mật độ 28 × 23, khổ 0,80 mét | | |
| | — Trắng | đ/mét | 14,00 |
| | — Các màu | đ/mét | 15,00 |
| 3. Vải kaki | Ký hiệu 5434, sợi Nm 54/2 × 36, mật độ 40 × 22, khổ 0,75m, nhuộm xanh, hoàn nguyên, có làm bóng | đ/mét | 30,00 |
| 4. Vải KT. 4000 trắng | Sợi Na Péco 45 × 45; mật độ 46 × 27; khổ 0,90 mét | đ/mét | 32,00 |

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay điều chỉnh giá bán lẻ ổn định chuẩn của Nhà nước về một số mặt hàng tiêu dùng như bảng giá kèm theo Quyết định này.

Ủy ban Vật giá Nhà nước cùng Bộ Nội thương căn cứ mức giá chuẩn trên, quy định giá bán lẻ cụ thể các sản phẩm khác cùng loại.

Điều 2. — Ở những nơi tình hình cung cầu còn căng thẳng, thị trường, giá cả đang biến động thì mức giá quy định tại điều 1 được áp dụng bán cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và những người có quan hệ hợp đồng kinh tế với Nhà nước theo phương thức thích hợp.

Điều 3. — Quyết định này thi hành từ ngày 1 tháng 5 năm 1986. Các quy định trước đây của Trung ương và địa phương trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU